TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2024
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhựt Nhân – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp Tân Trung Giồng B, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Kim Ngọc Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Tân Trung Giồng B, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Chỗ ở: ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh). Vắng mặt không lý do

- *Con chung:* Cháu Kim Thị Ngọc D, sinh ngày 02/5/2004 và cháu Kim Thị Ngọc H, sinh ngày 24/12/2009.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2024, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn bà Thạch Thị H trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, năm 2003 bà và ông Đ tự nguyện kết hôn với nhau, đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình sống chung do ông Đ không có trách nhiệm lo cho gia đình, vợ, con và nhiều lần bà khuyên nhủ nhưng ông Đ không thay đổi, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc nên hai người không còn sống chung từ khoảng

năm 2022 đến nay, ông Đ bỏ về nhà bên cha mẹ anh chị em sinh sống tại ấp Ô Tr, xã Hiếu T và thường xuyên đi làm thuê vắng nhà. Nay bà không còn tình cảm với ông Đ nên bà kiên quyết yêu cầu được ly hôn, không mong muốn đoàn tụ và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung, bà H khai bà và ông Đ có hai con chung là cháu Kim Thị Ngọc D sinh ngày 02/5/2004 đã thành niên và có gia đình sống riêng, đối với cháu Kim Thị Ngọc H sinh ngày 24/12/2009 hiện cháu sinh sống chung với bà và đang học nghề và cháu cũng sắp đủ 18 tuổi có thể đi làm để có thu nhập nên bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung, bà H khai xác định không có nên không có yêu cầu. Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Kim Ngọc Đ đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng đương sự vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Con chung cháu Kim Thị Ngọc H trình bày cho rằng: hiện cháu đã nghỉ học và đang học nghề và sinh sống chung mẹ (bà H), cháu có nguyện vọng yêu cầu được tiếp tục sinh sống chung với mẹ là bà H.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành các giấy mời và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân với ông Đ, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình sống chung được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, đương sự khẳng định không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa: nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Đ và bà H đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không hàn gắn. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận; con chung là cháu Kim Thị Ngọc H hiện nay đã trên 07 tuổi đang sống chung bà H, sau ly hôn bà H yêu cầu nuôi tiếp và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung bà H khai không có.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân, đề nghị cho bà H ly hôn với ông Đ; Về con chung, đề nghị giao cháu Kim Thị Ngọc H cho bà H nuôi dưỡng tiếp, việc bà H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không giải quyết, riêng con chung là cháu Kim

Thị Ngọc D sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; đối với tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không giải quyết.

Án phí hôn nhân, đề nghị buộc nguyên đơn chịu theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của ông Kim Ngọc Đ là vắng mặt đến lần thứ hai không lý do mà không có đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Xét việc cấp, tống đạt thông báo, quyết định, giấy triệu tập ông Đ thực hiện tống đạt trực tiếp cho người nhà là ông Kim Ngọc Ph (anh ruột sông Đ sống chung nhà nhận thay) và niêm yết theo quy định tại điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bà Thạch Thị H là có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện, các lời trình bày của bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ không lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cự cải, mâu thuẫn không thể hàn gắn và không còn sống chung từ năm 2022 nên bà kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn. Đối với ông Đ trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án có tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn, nhưng đương sự vắng mặt và không có văn bản phản đối hoặc yêu cầu phản tố. Xét hôn nhân của ông Đ với bà H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Từ năm 2022, hai người không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng, hai bên không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân của hai người xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn trở về tiếp tục sống chung, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Quyền, nghĩa vụ về con chung, cháu Kim Thị Ngọc H sinh ngày 24/12/2006 là con chung của ông Đ và bà H. Xét tại thời điểm giải quyết vụ án cháu H đủ 07 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, đồng thời cháu H cũng có nguyện vọng yêu cầu được tiếp tục sinh sống cùng bà H. Nhận thấy, việc bà H yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp cấp dưỡng là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cháu Kim Thị Ngọc H cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là thỏa đáng. Đối với cháu Kim Thị Ngọc D sinh năm 2004 đã thành niên và có khả năng lao động, bà H không có yêu cầu về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung, đến thời điểm giải quyết vụ án bà H khai không có, ông Đ không có văn bản phản đối hoặc yêu cầu tranh chấp gì khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị đơn không phải chịu chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị H.

1. Hôn nhân: Cho bà Thạch Thị H ly hôn với ông Kim Ngọc Đ

2. Quyền, nghĩa vụ đối với con chung:

Giao cháu cháu Kim Thị Ngọc H sinh ngày 24/12/2006 cho bà Thạch Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, theo nguyện vọng của cháu Kim Thị Ngọc H cũng yêu cầu được ở với bà H.

Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Quyền tài sản chung: Không có, nên không giải quyết.

4. Nghĩa vụ tài sản chung: Không có, nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Thạch Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền

số: 0002869 ngày 11/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, bà Huynh đã nộp đủ, không phải nộp tiếp.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu C;
- Chi cục THADS huyện Tiểu C;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Kim Thị Hồng Nga